BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 13: Từ 27-10 Đến 02-11-2025

LỚP			10A1_CK	10A2_CK	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 27-10	Sáng	1	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)					HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	
		2																	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)	
		3	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)															Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	
		4	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)															Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	
		5																	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	
	Chiều	6						Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)						Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	SQL Server Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Toán 3 Hà Thị Duyên (H5.103)			
		7															Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)				
		8															CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.103)			
		9															CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 3 Hà Thị Duyên (H5.103)			
		10															HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)				
Thứ 3 28-10	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.402)					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)					Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	
		2		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hỏa (H5.402)																	
		3	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)																CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	
		4	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.402)															Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	
		5																			
	Chiều	6						Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)							Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	SQL Server Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.103)			
		7															Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)				
		8																			
		9															Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)				
		10																			
Thứ 4 29-10	Sáng	1	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	
		2	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)																Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	
		3	CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)															Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.401)	
		4	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.402)																	
		5																	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	
	Chiều	6						Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)							Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	SQL Server Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Ngữ Văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)			
		7															Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)				
		8															Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.404)				
		9															Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)				
		10															Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.103)			

LỚP			10A1_CK	10A2_CK	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 30-10	Sáng	1							Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)			HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6						Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)							Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	SQL Server Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)		Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	
		7																			
		8																	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		9																	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	
		10																	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	
Thứ 6 31-10	Sáng	1	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.402)					Hệ thống an ninh Phạm Duy Quyết (X22.101)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		SQL Server Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)				
		2		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)																	
		3	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)														Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.401)				
		4	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.402)													Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)				
		5		CCĐ Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.402)													Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)				
	Chiều	6						Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)							Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 01-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 02-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 13: Từ 27-10 Đến 02-11-2025

LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐL3_VT	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 27-10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Toán 3 Hà Thị Duyên (H5.103)							CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.101)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.101)	
		7																Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	
		8									Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.103)							CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)			
		9									Toán 3 Hà Thị Duyên (H5.103)							CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			
		10																HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)			
Thứ 3 28-10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.103)							Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.404)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.101)	
		7																Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			
		8																			
		9																Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)			
		10																			
Thứ 4 29-10	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Ngữ Văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)							Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.101)	
		7																Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Ngữ Văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Ngữ Văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	
		8																Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.404)			
		9																Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.404)			
		10									Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.103)							Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			

LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐL3_VT	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 30-10	Sáng	1																HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.404)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8									Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.103)								Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.101)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.101)	
		9																			
		10																			
Thứ 6 31-10	Sáng	1																Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)			
		2																			
		3																Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.401)			
		4																Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)			
		5																Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiện (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiện (H5.101)	
		9																			
		10																			
Thứ 7 01-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 02-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 13: Từ 27-10 Đến 02-11-2025

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 27-10	Sáng	1		HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)				HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)			HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)
		2		Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)
		3														Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)
		4		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)
		5																		Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)
	Chiều	6	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)							Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)				Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)							
		7								Ngữ Văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)				Ngữ Văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)							
		8	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)																		
		9	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)																		
		10	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)																		
Thứ 3 28-10	Sáng	1	Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.303)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.303)			Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)
		2							Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)												
		3	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)
		4							Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)		Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)						
		5	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)							CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.306)
	Chiều	6								Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)				Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)							
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 29-10	Sáng	1		Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)		Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.306)
		2							Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.201)				Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.203)						
		3		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)											CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)	CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.303)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)
		4		Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.302)				Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.303)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.306)
		5																		Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)
	Chiều	6	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.301)							Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)				Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)							
		7								Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)				Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)							
		8	CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)																		
		9	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)																		
		10																			

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 30-10	Sáng	1	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)				HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)			HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.306)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6								Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)				Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)							
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 31-10	Sáng	1	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)				CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Tin 12_1 Vũ Lệ Thu (H5.303)	Tin 12_1 Vũ Lệ Thu (H5.303)			CCĐ Vật lý 12_1 Chu Thị Tính (H5.306)	CCĐ Vật lý 12_1 Chu Thị Tính (H5.306)
		2		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)					Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.306)
		3	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)	Tin 12_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	Tin 12_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)				Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)				CCĐ Vật lý 12_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 12_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.306)
		4	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)					Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.306)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.306)
		5	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.302)											Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)				
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 01-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 02-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 13: Từ 27-10 Đến 02-11-2025

LỚP			63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64LCCT2	64LCGK2	64LCMT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 27-10	Sáng	1			HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.102)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Võ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)				
		2			Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)														
		3				CCĐ Hóa học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	CCĐ Hóa học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)														
		4			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.202)	Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (H5.202)														
		5																			
	Chiều	6	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)		Tách: Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N02) Đỗ Tiến Phong (...) Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N_T01) Lỗ Văn Ba (...)								Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)			
		7																			
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)													
		9						Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)													
		10	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)				HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)													
Thứ 3 28-10	Sáng	1			Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.202)		Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N01) (...) Trang bị điện - 1-1-2025(N_T01) Trịnh Xuân Bình (...)	Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.102)		Tiếng Nhật (H3.103)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Soạn thảo văn bản điện tử Trần Xuân Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)			
		2			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)																
		3			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)													
		4			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)																
		5			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (H5.201)			Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)													
	Chiều	6	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.301)			Tách: Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N02) Đỗ Tiến Phong (...) Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N_T01) Lỗ Văn Ba (...)					Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Võ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)			
		7																			
		8	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)														
		9	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)														
		10	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)																	
Thứ 4 29-10	Sáng	1			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)			Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N01) (...) Trang bị điện - 1-1-2025(N_T01) Trịnh Xuân Bình (...)	Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.102)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Võ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Soạn thảo văn bản điện tử Trần Xuân Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)			
		2			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.201)																
		3				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)														
		4			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.202)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.202)														
		5																			
	Chiều	6	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.301)		Tách: Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N02) Đỗ Tiến Phong (...) Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N_T01) Lỗ Văn Ba (...)											
		7																			
		8	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)				CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.301)													
		9	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)													
		10																			

LỚP			63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64LCCT2	64LCGK2	64LCMT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 30-10	Sáng	1			HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.301)		Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N01) (...) Trang bị điện -1-1-2025(N_T01) Trịnh Xuân Bình (...)	Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.102)		Tiếng Nhật (H3.103)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Soạn thảo văn bản điện tử Trần Xuân Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			Tách: Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N02) Đỗ Tiến Phong (...) Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N_T01) Lỗ Văn Ba (...)					Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)					
		7	CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)	CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)																	
		8	CCĐ Vật lý 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)	CCĐ Vật lý 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.402)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)														
		9	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)	Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)																	
		10				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)														
Thứ 6 31-10	Sáng	1			CCĐ Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)		Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N01) (...) Trang bị điện -1-1-2025(N_T01) Trịnh Xuân Bình (...)	Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X22.102)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)			
		2			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.201)																
		3			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)													
		4			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)													
		5						Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)													
	Chiều	6	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)			Tách: Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N02) Đỗ Tiến Phong (...) Điều khiển điện - khí nén-1-1-2025(N_T01) Lỗ Văn Ba (...)						Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)					
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 01-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 02-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 13: Từ 27-10 Đến 02-11-2025

LỚP			64LCQM1	64LCS1	64LCVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 27-10	Sáng	1				Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.204_PHLT Khoa CK)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (TT. Nguội)	Thực hiện gia công chung Lê Kiên Cường (X22.104)		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Cao Thị Thu (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Trần Thị Thơm (...)			Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.208)		Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Phạm Quang Thắng (...)	Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N06) Hoàng Văn Quân (...) Trang bị điện -1-1-2025(N07) Nguyễn Trung Tuệ (...)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)		CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	
		7						Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)								Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)			
		8				CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)				CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)			CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)		CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	
		9				HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)			HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)		HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.304)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	
		10																			
Thứ 3 28-10	Sáng	1				Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.204_PHLT Khoa CK)		Thực hiện gia công chung Lê Kiên Cường (X22.104)		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Cao Thị Thu (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Trần Thị Thơm (...)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.203)			Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	LĐ	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Sử dụng dụng cụ Lưu Quang Hưng (X22.303.LTCM)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.201)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Phạm Quang Thắng (...)	Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N06) Hoàng Văn Quân (...) Trang bị điện -1-1-2025(N07) Nguyễn Trung Tuệ (...)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		7												Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)						Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)	
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)			Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)		CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	
		9				Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	
		10				Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.406)	
Thứ 4 29-10	Sáng	1				Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.204_PHLT Khoa CK)		Thực hiện gia công chung Lê Kiên Cường (X22.104)		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Cao Thị Thu (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Trần Thị Thơm (...)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.203)		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.208)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sử dụng dụng cụ Lưu Quang Hưng (X22.303.LTCM)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.401)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Phạm Quang Thắng (...)	Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N06) Hoàng Văn Quân (...) Trang bị điện -1-1-2025(N07) Nguyễn Trung Tuệ (...)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hõa (H5.307)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		7				Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)								Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)	
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)			Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hõa (H5.201)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.401)			Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.307)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.304)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	
		9					Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)		Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.302)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Công nghệ 11_1 Hồ Sĩ Khương (H5.302)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)	
		10				Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)									Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	

LỚP			64LCQM1	64LCS1	64LCVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 30-10	Sáng	1				Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.204_PHLT Khoa CK)		Thực hiện gia công chung Lê Kiên Cường (X22.104)		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Cao Thị Thu (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Trần Thị Thơm (...)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.203)		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.208)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sử dụng dụng cụ Lưu Quang Hưng (X22.303.LTCM)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Phạm Quang Thắng (...)	Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N06) Hoàng Văn Quân (...) Trang bị điện -1-1-2025(N07) Nguyễn Trung Tuệ (...)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	
		7					Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)											
		8				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.406)	
		9				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.204)			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.401)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)		Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)		
		10				CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)			Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)					CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)			CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)	
Thứ 6 31-10	Sáng	1					Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (TT. Nguội)	Ktra: Sử dụng dụng cụ -1-1-2025(N02) Lê Trung Thịnh (X22.104)		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)				Tách: Máy điện-1-1-2025(N03) Cao Thị Thu (...) Máy điện-1-1-2025(N04) Trần Thị Thơm (...)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.203)		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.208)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.103)	Kỹ thuật số Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6					Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (TT. Nguội)	Thực hiện gia công chung Lê Kiên Cường (X22.104)	Sử dụng dụng cụ Lưu Quang Hưng (X22.303.LTCM)				Tách: Trang bị điện -1-1-2025(N06) Hoàng Văn Quân (...) Trang bị điện -1-1-2025(N07) Nguyễn Trung Tuệ (...)				Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)				
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 01-11	Sáng	1					Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (TT. Nguội)														Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			Tiện Chu Mạnh Vinh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 02-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 13: Từ 27-10 Đến 02-11-2025

LỚP			64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 27-10	Sáng	1	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)			Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)		Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			Lập trình căn bản Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)		Lắp đặt hệ thống điện - nước tòa nhà Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Marketing Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)		Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		7	Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)				Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)					
		8		CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)								CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		9	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)			HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)		HĐTNHN Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.304)		HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)
		10																			
Thứ 3 28-10	Sáng	1	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)			Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)		Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)		Lập trình căn bản Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Công nghệ 11_1 Hồ SĨ Khương (H5.307)		Lắp đặt hệ thống điện - nước tòa nhà Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Marketing Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)
		7		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)											Công nghệ 11_1 Hồ SĨ Khương (H5.406)						
		8	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)			Công nghệ 11_1 Hồ SĨ Khương (H5.303)		Công nghệ 11_1 Hồ SĨ Khương (H5.303)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		9	Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)						Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)
		10	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Văn Trường (H5.204)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)			CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Công nghệ 11_1 Hồ SĨ Khương (H5.406)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)		
Thứ 4 29-10	Sáng	1	Thuế Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.207)			Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)		Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)		Lập trình căn bản Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)		Lắp đặt hệ thống điện - nước tòa nhà Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Nhận xuất hàng Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.109_CNTT)	Công nghệ 11_1 Hồ SĨ Khương (H5.401)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		7	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)							CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		8		Công nghệ 11_1 Hồ SĨ Khương (H5.307)			CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.401)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		9	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)			Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)
		10	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)							Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)

LỚP			64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	**BUỔI**	**TIẾT**																			
Thứ 5 30-10	**Sáng**	1	Thuế Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.207)			Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP- KT)		Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)		Lập trình căn bản Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Ktra: Bảo trì máy tính-1-1-2025(N03) Phùng Ngọc Hùng (H3.111_TH THCB)		Photoshop Võ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Lắp đặt hệ thống điện - nước tòa nhà Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Nhận xuất hàng Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.109_CNTT)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.403)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.403)
		7					Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)									Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		8	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.307)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)		Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.406)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		9	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)			Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.401)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.203)		Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		
		10					Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)			Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.406)			CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.403)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.403)
Thứ 6 31-10	**Sáng**	1	**LĐ**	**LĐ**	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()				Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)					Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Trần Hanh ()				Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()						Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.109_CNTT)			Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Trần Hanh ()				
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 01-11	**Sáng**	1			Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()												Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Trần Hanh ()				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()												Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Trần Hanh ()				
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 02-11	**Sáng**	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 13: Từ 27-10 Đến 02-11-2025

LỚP			65CCK1	65CCT1	65CĐC1	65CĐH1	65CĐL1	65CĐP1	65CĐT1	65CKT1	65CLG1	65CS1	65CTT1	65CTW1	65LCCT1	65LCĐC1	65LCĐC2	65LCĐL1	65LCĐL2	65LCĐT1	65LCĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 27-10	Sáng	1	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()		Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)									Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Phạm Duy Quyết (X22.209)			Vật liệu Lưu Quang Hưng (X22.303.LTCM)			Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Toán ứng dụng Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)								Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 28-10	Sáng	1	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()		Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)									Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Kỹ thuật điện Phạm Duy Quyết (X22.209)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Vật liệu điện (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Mạng máy tính ()		Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Tách: Mạng máy tính-1-1-2025(N02) Lê Son Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Mạng máy tính-1-1-2025(N_T01) Hoàng Tùng (...)	Mạng máy tính Lê Hoàng ()						Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 29-10	Sáng	1	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()		Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)									Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Kỹ thuật điện Phạm Duy Quyết (X22.209)		Vật liệu điện (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Tin học ()		Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Phân tích nguyên lý và kết cấu Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Tách: Tin học-1-1-2025(N07) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương) Tin học-1-1-2025(N_T34) Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học ()						Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			65CCK1	65CCT1	65CĐC1	65CĐH1	65CĐL1	65CĐP1	65CĐT1	65CKT1	65CLG1	65CS1	65CTT1	65CTW1	65LCCT1	65LCĐC1	65LCĐC2	65LCĐL1	65LCĐL2	65LCĐT1	65LCĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 30-10	Sáng	1	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()		Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)									Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Kỹ thuật điện Phạm Duy Quyết (X22.209)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Vật liệu điện (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Tin học ()		Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)		Tách: Tin học-1-1-2025(N07) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương) Tin học-1-1-2025(N_T34) Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học ()						Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 31-10	Sáng	1	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.204_PHLT Khoa CK)			Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)	Kinh tế vĩ mô Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)	Kinh tế vĩ mô Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)							Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6		Kỹ thuật điện Phạm Duy Quyết (X22.209)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Tin học ()		Kinh tế vĩ mô Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)	Kinh tế vĩ mô Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)		Tách: Tin học-1-1-2025(N07) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương) Tin học-1-1-2025(N_T34) Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học ()						Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X22.204)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 01-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 02-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 13: Từ 27-10 Đến 02-11-2025

LỚP			65LCGK1	65LCGK2	65LCGK3	65LCKT1	65LCKT2	65LCLG1	65LCMT1	65LCQM1	65LCQM2	65LCS1	65LCS2	65LCVP1	65TCK1	65TCK1B	65TCK2	65TCK3	65TĐC1	65TĐC2	65TĐC3_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 27-10	Sáng	1													HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.407)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.102)	
		2																			
		3													Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Công nghệ 10_1 Trần Thị Bích Hậu (H5.107)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)	Giáo dục chính trị ()
		4															Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.101)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.102)	
		5													Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)				Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)	
	Chiều	6													Vật liệu cơ khí Chu Mạnh Hùng (X10.203_PHLT Khoa CK)		An toàn lao động Chu Mạnh Vinh ()		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 3 28-10	Sáng	1													Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.101)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.107)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	
		2																	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	
		3													Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.101)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Giáo dục chính trị ()
		4													Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.407)				Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.102)	
		5															CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)		
	Chiều	6													Vật liệu cơ khí Chu Mạnh Hùng (X10.203_PHLT Khoa CK)				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)		
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 4 29-10	Sáng	1													Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.407)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.107)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.102)	
		2															Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)				
		3													CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)		Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.107)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.102)	Giáo dục chính trị ()
		4													Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.407)		CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	
		5													CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.407)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.101)			
	Chiều	6													Vật liệu cơ khí Chu Mạnh Hùng (X10.203_PHLT Khoa CK)				Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			65LCGK1	65LCGK2	65LCGK3	65LCKT1	65LCKT2	65LCLG1	65LCMT1	65LCQM1	65LCQM2	65LCS1	65LCS2	65LCVP1	65TCK1	65TCK1B	65TCK2	65TCK3	65TĐC1	65TĐC2	65TĐC3_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 30-10	Sáng	1															An toàn lao động Chu Mạnh Vinh ()	An toàn lao động Hồ SI Khương (X10.205)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hướng (H5.101)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6													Vật liệu cơ khí Chu Mạnh Hùng (X10.203_PHLT Khoa CK)			An toàn lao động Hồ SI Khương (X10.205)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 31-10	Sáng	1													CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)		Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	
		2													Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)			Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.107)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	
		3													Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)		CCĐ Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	
		4															Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.403)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	
		5													Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.407)						
	Chiều	6													Ktra: Tin học-1-1-25(N12) Tạ Văn Khoa (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		An toàn lao động Chu Mạnh Vinh (X10.204_PHLT Khoa CK)			Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 01-11	Sáng	1														KĨ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh ()	An toàn lao động (X10.205)	An toàn lao động Hồ SI Khương (X10.204_PHLT Khoa CK)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																An toàn lao động Hồ SI Khương (X10.204_PHLT Khoa CK)			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Chủ nhật 02-11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 13: Từ 27-10 Đến 02-11-2025

LỚP			65TĐH1	65TĐL1	65TĐP1	65TĐT1	65TĐT2	65THA1B	65TKT1	65TKT2	65TLG1	65TMT1	65TQM1	65TQM2	65TS1	65TS2	65TS3_SD	65TSĐ1	65TTA1	65TTA2	65TTW1	65TVP1	65TVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 27-10	Sáng	1	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Tuyến (H5.106)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.407)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Tuyến (H5.106)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)
		2																					
		3	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Trần Thị Bích Hậu (H5.107)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)		Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)			Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.102)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.304)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)
		5	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.102)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)			Tin học Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		
	Chiều	6	Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.110_TH THCB)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)		Kinh tế vĩ mô Ngô Thị Tâm (H3.205_Khoa SP-KT)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)	Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà; Lê Thanh Tâm (HỘI TRƯỜNG)		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)					An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.107_CNTT)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Thị Hường (H3.208)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 28-10	Sáng	1	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.307)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.107)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)		CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.101)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.403)
		2		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.301)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.107)					Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.104)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)			Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.104)			Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)		Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.304)			
		3	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)		Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.106)		Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.106)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.101)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.403)
		4	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.103)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.407)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.102)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.304)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.403)
		5			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)								Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.304)			
	Chiều	6	Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.110_TH THCB)	Tin học Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)			Kinh tế vĩ mô Ngô Thị Tâm (H3.205_Khoa SP-KT)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H5.104)			Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H5.104)		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)			Tin học Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.107_CNTT)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Thị Hường (H3.208)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 29-10	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.107)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.106)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.407)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.106)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	CCĐ Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện ()	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		2	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)			CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.102)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)		Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.404)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)
		3		Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.301)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.107)				CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)			Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)			Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.304)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.101)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)
		4	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)		Toán 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.407)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	CCĐ Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		5	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)					CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.407)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.104)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.101)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)
	Chiều	6		Tin học Vũ Lệ Thu (H3.110_TH THCB)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.205_Khoa SP-KT)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)		Tin học Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm; Lương Thị Ngọc Hà (HỘI TRƯỜNG)						Tin học Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Thị Minh Phương (H3.107_CNTT)	An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.208)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			65TĐH1	65TĐL1	65TĐP1	65TĐT1	65TĐT2	65THA1B	65TKT1	65TKT2	65TLG1	65TMT1	65TQM1	65TQM2	65TS1	65TS2	65TS3_SD	65TSĐ1	65TTA1	65TTA2	65TTW1	65TVP1	65TVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 30-10	Sáng	1		Ktra: Vật liệu-1-1-25(N01) Nguyễn Việt Cường (X22.202)																			
		2																					
		3			Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H5.101)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.102)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX4)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.102)		Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX4)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện ()						
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Tin học Vũ Lệ Thu (H3.110_TH THCB)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.104)			Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.205_Khoa SP-KT)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)		Tin học Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.104)						Tin học Tạ Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Thị Minh Phương (H3.107_CNTT)	An toàn và môi trường Trịnh Khắc Khoa (H3.208)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 31-10	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.107)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.103)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.106)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện ()	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)
		2		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.107)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.106)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.106)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.102)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.301)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.104)				Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)			Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	
		3	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.106)		Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.404)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.301)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	CCĐ Toán 10_1 Kim Thành Nam (H5.403)
		4	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.106)			Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.106)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.104)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Chí Thành (H5.307)		
		5	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)						Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.407)	CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.404)			CCĐ Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (H5.104)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.404)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.403)
	Chiều	6	Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.110_TH THCB)				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP- KT)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)		Tin học Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)									
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 7 01-11	Sáng	1															Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện ()						
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6						Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()									Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện ()						
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Chủ nhật 02-11	Sáng	1						Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()															
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6						Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()															
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					